

## CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI

Cộng đồng quốc tế hiện nay có hơn 239 quốc gia và mỗi nước có những luật pháp riêng điều chỉnh hoạt động của cư dân và các mối quan hệ với bên ngoài. Những hệ thống luật pháp quốc gia khác nhau đó có thể tập trung trong hai loại lớn là **hệ thống Dân luật** và **hệ thống Luật chung**. Bên cạnh đó, cũng có **hệ thống luật Islam giáo** đang được nhiều nước áp dụng.

Cũng cần lưu ý rằng tuy có ba hệ thống luật pháp chính là **hệ thống Dân luật**, **hệ thống Luật chung** và **hệ thống Luật pháp Islam giáo**, trong thực tế vẫn có những “biến tấu” đa dạng trong cùng một hệ thống, hoặc có nước vừa theo hệ thống này vừa theo hệ thống kia. Ví dụ trong hệ thống Dân luật, có dân luật kiểu La Mã, dân luật kiểu Đức, dân luật kiểu Châu Mỹ La Tinh. Trong lúc đó, hệ thống luật của Nhật và Nam Phi thì lại có đặc điểm của cả hai hệ thống. Chưa kể rằng, tại một số nước Phi Châu hiện nay, vẫn còn áp dụng luật phong tục của các bộ lạc từ thời hoang sơ.

### **I. Hệ thống dân luật La Mã– Đức (The Romano–Germanic Civil Law System)**

Đây là hệ thống luật pháp có lịch sử lâu đời nhất và cũng có ảnh hưởng nhiều nhất đến các hệ thống luật pháp khác. Hệ thống này thường được gọi là hệ thống Dân luật (*Civil Law*) hay hệ thống luật lục địa (*Continental Law*).

## 1. Lịch sử hình thành

Về phương diện lịch sử, hệ thống Dân luật xuất hiện từ năm 450 trước Tây lịch, khi La Mã áp dụng hệ thống luật được ghi trong "12 bảng luật". Nhưng sự kiện có ý nghĩa nhất trong lịch sử phát triển của hệ thống Dân luật là công tác pháp điển (chọn lựa, sắp xếp, đơn giản hóa) tất cả luật pháp La Mã được thực hiện dưới thời Hoàng Đế Justinian (483 – 565). Sau khi được pháp điển, luật La Mã được mang tên Bộ Dân luật (tiếng La tinh: *Corpus Juris Civilis*), ban hành năm 529. Đây có thể xem là công trình luật pháp thành văn quan trọng đầu tiên của lịch sử loài người. Khi những bộ tộc Đức (Germanic) xâm lăng đế quốc phía Tây Châu Âu, một số qui định của luật La Mã đã được thay thế bằng luật bộ tộc Đức. Tuy nhiên, vì tinh thần của luật Đức là căn cứ vào yếu tố cá nhân, không căn cứ vào yếu tố lãnh thổ, nên dân chúng của đế quốc La Mã cũ cùng con cháu họ vẫn được phép sử dụng luật La Mã. Giáo hội Công giáo La Mã cũng góp phần quan trọng trong việc duy trì luật pháp La Mã cũ vì giáo luật, tức là luật dùng trong các Tòa án của giáo hội, đã được xây dựng theo luật La Mã.

Vào thế kỷ thứ 11 và 12 (thường gọi là thời Trung cổ), khi tìm được nguyên văn Bộ Dân luật *Corpus Juris Civilis*, các học giả bắt đầu nghiên cứu và giải thích, hiện đại hóa những nội dung luật cũ cho phù hợp với tình hình xã hội thời đó. Nơi nổi tiếng nhất trong việc nghiên cứu, truyền bá Bộ dân luật La Mã này là các trường đại học ở vùng Bắc nước Ý trong đó nổi tiếng nhất là trường Đại học Bologna. Từ trường đại học này, các nhà luật học của các nước Châu Âu đã trở về

nước của họ, gieo rắc tư tưởng và nội dung của Dân Luật La Mã. Họ mở trường luật ở Paris, Oxford, Prague, Heidelberg, Copenhagen; họ làm luật sư cho giáo hội, cho các vua chúa, và cho các vùng lãnh thổ khắp Châu Âu. Nhờ cùng được đào tạo chung theo một nội dung, luật gia của các nước Châu Âu đã tạo nên những Bộ Dân Luật của nước họ xây dựng trên nền tảng chung là luật La Mã. Vào thời kỳ đầu của thời kỳ phục hưng thế kỷ 13 – 14) ở Châu Âu, người ta đã dùng thuật ngữ *Jus Common* (là luật chung) để chỉ luật của nước Châu Âu vì cùng có chung nền tảng là luật La Mã, giáo luật, cùng các lời giải thích, bình luận của các chuyên gia luật La Mã.

Vào thời Phục hưng, nền kinh tế Châu Âu cũng bắt đầu phát triển sau một thời gian dài trì trệ. Sự xuất hiện của các đô thị kéo theo sự thành lập chợ búa, hội chợ thương mại, ngân hàng; sự phát triển nhanh chóng của hàng hải và giao dịch thương mại đường dài đã mở ra những trung tâm thương mại lớn và nhu cầu phải có luật pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Cả Luật La Mã và Luật bộ tộc của Đức đều không đáp ứng được yêu cầu của hoạt động thương mại (luật La Mã thì chủ trương một đế quốc cai trị mọi người, luật bộ tộc Đức thì chỉ phù hợp với xã hội nông nghiệp). Do đó, các thương gia đã tự điều chỉnh hoạt động kinh doanh theo tập quán của họ, lập ra tòa án riêng (gọi là tòa chân đất - *pepoudrous court*) để xét xử việc kinh doanh giữa họ với nhau theo tiêu chuẩn thực tế và công bằng. Sau một thời gian, những tập quán, qui tắc này được các tòa án của Nhà nước và giáo hội chấp nhận, gọi là luật của thương gia (Law Merchant); được xem là luật

quốc tế áp dụng trong kinh doanh qua biên giới các quốc gia. Những nội dung của luật thương gia cũng vượt biên qua áp dụng ở Anh, tuy rằng từ trước đó, Anh quốc đã không chấp nhận luật La Mã. Nhiều qui định của luật thương gia ngày xưa hiện nay đã được chấp nhận, đưa vào Công ước của Liên Hiệp Quốc về bán hàng quốc tế (CISG) năm 1980.

Đến thế kỷ 16 và 17, trung tâm của luật học châu Âu được chuyển đến Pháp và Hà Lan. Với tinh thần khoa học sáng suốt và ý thức quốc gia, giới luật học châu Âu đã tập trung nỗ lực để xây dựng nền luật pháp quốc gia theo tinh thần của luật La Mã cũ, mà theo họ không phải là do một quyền lực cao siêu nào đặt ra, mà chỉ là những lẽ phải tự nhiên (*Universal law of nature*). Hai bộ luật quốc gia có giá trị của thời này là Bộ Dân Luật Pháp năm 1804 và Bộ Dân Luật Đức năm 1896. Bộ dân Luật Pháp được đề cao và mô phỏng ở Hà Lan, Bỉ, Ba Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, La Tinh America, Phi Châu, Nam Sa mạc Sahara, Đông dương, và Indonesia. Bộ Dân Luật Đức thì được theo ở Áo, Tiệp Khắc, Hy Lạp, Hungary, Thụy Sĩ, Nam Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật, Hàn Quốc.

## **2. Đặc điểm của Dân Luật Pháp**

Bộ Dân Luật Pháp thường được gọi là Bộ Luật Napoléon do vai trò lãnh đạo quan trọng của vị Hoàng Đế này đối với công việc soạn thảo. Nội dung của Bộ Dân luật này phản ánh những tư tưởng cơ bản của cuộc Cách Mạng Pháp 1789: *quyền tư hữu, tự do ký kết hợp đồng và gia đình theo chế độ phụ hệ*. Bộ Luật này cũng cố ý

phá vỡ chế độ phong kiến bằng cách hạn chế diện tích đất đai mua bán, di chúc và thừa kế.

Đặc điểm thứ hai của Bộ Dân Luật Pháp là *rõ ràng, trong sáng, dễ đọc và dễ hiểu* đối với tất cả mọi người.

Đặc điểm thứ ba là các nhà soạn luật đã nhận thức rằng họ không thể nào dự liệu được mọi khả năng xảy ra; do đó, họ *chỉ đưa ra những nguyên tắc tổng quát chứ không đưa ra những qui định cụ thể*.

### **3. Đặc điểm của Dân Luật Đức**

Bộ Dân luật Đức được ban hành sau Bộ luật của Pháp sau gần một thế kỷ. Một phần là do nước Đức được thành lập trễ, một phần khác là do sự làm việc quá mức cẩn thận của nhóm các nhà luật học Đức do Frederick Carl Von Savigny (1779 – 1869) lãnh đạo (kéo dài việc nghiên cứu hơn 20 năm).

Đặc điểm của Bộ Dân luật Đức là căn cứ sát sao theo bộ luật La Mã Corpus Juris Civilis về tinh thần cũng như cách sắp xếp. Văn phong của Bộ Luật Đức có ưu điểm là chính xác và kỹ thuật. Họ cũng sáng chế ra *nhiều thuật ngữ đặc biệt về pháp lý* để sử dụng trong luật. Mỗi khái niệm pháp lý đều được định nghĩa và dùng một cách nhất quán trong suốt Bộ luật. Về kỹ thuật lập pháp, nhà làm luật luôn luôn *dùng cách tham chiếu lẫn nhau giữa các điều* nên giúp cho bộ luật trở thành ngắn gọn, và là một thể thống nhất, hợp lý. Khác với bộ Dân luật Pháp muốn trở thành một quyển cẩm nang pháp luật cho mọi người, *bộ Dân luật Đức được soạn thảo theo tinh thần sách chuyên dùng cho giới chuyên môn*.

#### **4. Tóm tắt về hệ thống Dân Luật**

Tuy khác nhau về văn phong và kỹ thuật lập pháp, cả hai bộ luật này tương đồng nhau nhiều hơn là dị biệt. Cả hai đều căn cứ vào luật La Mã, nhất là phần nói về nghĩa vụ và cấu trúc của bộ luật. Cả hai cũng dựa vào những tư tưởng chính trị và triết học giống nhau, cụ thể là hoạt động kinh doanh tự do và quyền tự chủ của mỗi cá nhân.

Hệ thống dân luật còn phân biệt giữa Công pháp và Tư Pháp. Luật tư pháp là luật pháp chứa đựng trong bộ Dân Luật và các bộ luật phụ thuộc vào bộ Dân luật như luật về cá nhân (hộ tịch), luật gia đình, luật sở hữu, luật thừa kế, luật nghĩa vụ, luật thương mại, luật lao động và luật hình. Ngược lại với các luật này là các luật công (Công pháp) như luật Hiến pháp, luật Hành chính. Trong thực tế, các nước theo hệ thống dân luật cũng không có quan điểm thống nhất về công pháp. (Ví dụ ý kiến khác nhau về luật hình sự và luật Hiến pháp).

Từ cuối thế kỷ thứ 20, các nước theo hệ thống dân luật đã có nhiều thay đổi. Ví dụ không còn chỉ dựa đơn thuần vào Bộ Dân luật, mà ở các nước này, các án lệ, các văn bản dưới luật, các nghiên cứu học lý tư pháp cũng đã được xem là những nguồn luật quan trọng. Các bộ dân luật cũng được bổ sung, sửa đổi; nhất là ở Đức.

## **II. Hệ thống luật chung của Anh – Mỹ**

### **1. Lịch sử**

Nguồn gốc của hệ thống luật này bắt đầu từ năm 1066 khi người Normans xâm chiếm Anh quốc và Hoàng Đế William bắt đầu tập trung quyền lực vào tay triều đình mới. Thuật ngữ luật chung (*Common Law*) xuất phát từ quan điểm cho rằng các tòa án do nhà vua lập ra, áp dụng các tập quán chung (*Common Custom*) của vương quốc, trái ngược với những tập tục luật pháp địa phương áp dụng ở các miền hay ở các tòa án của điền trang, thái ấp phong kiến.

Các nguyên tắc bền vững của luật chung đã được tạo ra bởi ba tòa án được vua Henri II (1133 - 1189) thành lập. Đó là *Tòa án Tài chính (Court of Exchequer)* để xét xử các tranh chấp về thuế. *Tòa án thỉnh cầu Phổ thông (Court of Common Pleas)* đối với những vấn đề không liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhà vua; và *Tòa án Hoàng Đế (Court of the King's Bench)* để giải quyết những vụ việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Hoàng gia, ví dụ việc ban hành những sắc lệnh kiểm tra các quan chức ươn ngành. Nguyên thủy, Tòa án Hoàng Đế có thẩm quyền kiểm tra sự lạm quyền của chính nhà vua, từ đó hình thành ra nguyên tắc căn bản của luật chung là *sự tối thượng của pháp luật (Supremacy of the law)*. Ngày nay nguyên tắc này không phải chỉ áp dụng cho vua, mà mọi hành vi của chính quyền đều có thể bị đưa ra xét xử trước tòa án.

## **2. Đặc điểm**

Đặc điểm cơ bản của hệ thống luật chung là dựa trên những phán quyết theo tập quán của tòa án, và bản thân thuật ngữ luật chung cũng thường được dùng khi muốn nói đến việc pháp luật Anh quốc không căn cứ vào văn bản luật. Cơ sở của

luật chung là các phán quyết của tòa án, thường được gọi là tiền lệ; đây là đặc điểm cơ bản chủ yếu để phân biệt hệ thống luật này với hệ thống Dân luật của La Mã – Đức quốc.

Mặt hạn chế của hệ thống luật chung trước đây là tinh cứng rắn, kém linh hoạt. Về nội dung cũng như về thủ tục, các tòa án chỉ theo đúng những gì mà tiền lệ đã làm, nên không thích nghi được với những tình huống phức tạp mới mẻ. Vì vậy, tại Anh quốc, bên cạnh các luật chung còn có *lẽ công bằng tự nhiên (equity)* được áp dụng khi luật chung không có. Tình hình này tồn tại cho đến tận thế kỷ 19. Năm 1848, tại New York (Mỹ), một bộ luật tố tụng dân sự được ban hành, bắt buộc mọi việc kiện đều phải theo cùng một thủ tục. Bộ luật này sau đó được chính quyền liên bang và các tiểu bang ở Mỹ chấp nhận. Ở Anh, Đạo luật Tư pháp (*Judicature Act*) năm 1873 cũng qui định sự kết hợp giữa luật chung với các qui định của lẽ công bằng.

Sự phát triển của hệ thống luật chung ra khắp thế giới cũng khác với cách thức phát triển của hệ thống dân luật. các nước theo hệ thống luật chung đều có mối quan hệ chính trị trực tiếp với nước Anh như Úc, Canada, Ấn Độ, Ireland, Tân Tây Lan, và Hoa Kỳ.

### **3. So sánh hai hệ thống**

Nếu so sánh giữa hai hệ thống luật, hệ thống dân Luật có nhiều ưu điểm hơn. Hệ thống dân luật dựa chủ yếu vào các bộ luật, tiện để nắm hiểu đối với mọi người. Nó cũng đề cập trực tiếp và chủ yếu đến tư nhân, ít liên quan đến hệ thống chính

trị. Trong lúc đó, hệ thống luật chung là một ma trận pha trộn giữa án lệ với văn bản, người xét xử chủ yếu là Bồi Thẩm Đoàn (*Jury*), nguyên tắc tối thượng của luật pháp lại hạn chế hoạt động của chính quyền, và thuật ngữ pháp luật lại rất phức tạp.

### **III. Hệ Thống Luật Islam giáo (Islamic law)**

#### **1. Giới thiệu**

Cho đến năm 2000 trong 4 người dân trên thế giới thì có 1 người theo Islam giáo. Phần lớn sống trong các nước ở Trung Đông, Bắc Phi, và Nam Á. Islam giáo là quốc giáo của Saudi Arabia, Qatar, các Tiểu vương Ả rập thống nhất, Oman, Yemen, Syria, Jordan, Kuwait, Iran, Iraq, Afghanistan, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Sudan, Somalia, Libya, Algeria, Tunisia, Niger, Mali, Maroc, Mauritania, Bangladesh, Malaysia, và Indonesia. Luật Islam giáo là nguồn luật chính của Saudi Arabia và được chấp nhận trong những chừng mực khác nhau, ở các nước khác vừa kể.

#### **2. Đặc điểm**

Hệ thống pháp luật Islam giáo được gọi là Shari'a, theo tiếng Ả Rập có nghĩa là Luật học hay pháp luật. Nội dung của luật Islam giáo được lấy từ 4 nguồn, xếp theo thứ tự quan trọng là: (1) Kinh Koran, (2) Sunnah, tức là các lời dạy của Tiên tri Muhammad, (3) các bài viết của học giả Islam giáo giải thích và rút ra các qui

định từ trong kinh Koran và trong Sunnah, và (4) các điều được cộng đồng thừa nhận về mặt pháp lý.

Ba thế kỷ sau khi thành lập đạo Hồi (thế kỷ 10), giới luật gia Islam giáo phán quyết rằng không còn có cách nào để bổ sung các giải thích về pháp luật thiêng liêng của Islam giáo. Kể từ lúc đó họ tuyên bố “đóng cửa” đối với mọi cố gắng để tư duy độc lập về luật pháp Islam giáo. Điều này có nghĩa là cho đến bây giờ giới luật gia Islam giáo chỉ có việc phán xử theo những nội dung luật pháp đã được định hình từ hơn 1000 năm trước. Họ không thể thay đổi, giải thích rộng hay bổ sung những qui định đã có. Dĩ nhiên là việc “đóng cửa” không cho tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung luật Islam giáo khiến cho nhiều vụ việc trở nên khó xét xử vì trước đây hàng ngàn năm chưa hề có. Nhiều nhà Lãnh đạo trong thế giới Islam giáo như vua Fahad của nước Saudi Arabia đã nhiều lần đề nghị bỏ lệnh đóng cửa, nhưng điều này cũng không được nhiều nhà lãnh đạo Islam giáo như Giáo chủ Khomeini của Iran đồng ý.

Đặc điểm nổi bật của luật Islam giáo là qui định có tính chất đạo đức, ít có qui định về thương mại hoặc quan hệ giữa các quốc gia. Mặc dù vậy, cũng có một số nguyên tắc pháp luật của hệ thống Dân luật và hệ thống luật chung. Ví dụ trong dân luật 1953 của Libya, có nói đến việc áp dụng tập quán, luật tự nhiên, lễ công bằng như trong hệ thống dân luật và luật chung./.

**LS. TS. Trần Anh Tuấn**

*Phó Chủ tịch Hiệp hội Luật sư Quốc tế (Union Internationale des Avocats - UIA)*

*Giáo viên cơ hữu Khoa KT & QTKD - ĐH Mở Bán công TP.HCM*

*Bài đăng trên Tạp san khoa học ĐH Mở Bán công TP.HCM số 2/2006*